20 bài toán tư duy lớp 2

5 dạng, mỗi dạng 4 bài từ dễ đến khó. Bài có nhãn **nâng cao** dành cho con đã làm tốt 3 bài trước. Dạng 3 và 5 dùng kiến thức học kì 2. Mỗi tối 2–3 bài là đủ. Đáp án ở trang 4.

Tên con: _____ **Ngày:** _____

1 Tìm quy luật dãy số

Xem mỗi lần thêm hoặc bớt bao nhiêu.

Bài 1. Điền số tiếp theo: 5, 10, 15, 20, ...

Bài 2. Điền 2 số còn thiếu: 90, 80, 70, ..., ...

Bài 3. Điền 2 số còn thiếu: 100, 200, 300, ..., ...

Bài 4. Điền số tiếp theo: 1, 2, 4, 7, 11, ... nâng cao

2 Tìm số còn thiếu (cộng, trừ có nhớ)

Con có thể đếm thêm, đếm bớt hoặc dùng que tính.

Bài 5. 8 + ... = 15

Bài 6. ..... − 6 = 9

Bài 7. 47 + ... = 53

Bài 8. Hai số có tổng bằng 14, số lớn hơn số bé 2 đơn vị. Đó là hai số nào? nâng cao

3 Nhân, chia với bảng 2 và bảng 5

Con có thể xếp hạt đậu thành từng nhóm.

Bài 9. Có 4 đĩa, mỗi đĩa 5 quả cam. Có tất cả bao nhiêu quả cam?

Bài 10. Điền số: 2 × ..... = 16

Bài 11. Có 20 cái kẹo chia đều cho 5 bạn. Mỗi bạn được mấy cái kẹo?

Bài 12. Trong sân có 5 con gà và 2 con chó. Có tất cả bao nhiêu cái chân? nâng cao

4 Hình học, đo độ dài và xem giờ

Hình lớn bên ngoài cũng được tính.

Bài 13. Đường gấp khúc gồm 3 đoạn dài 3 cm, 4 cm và 5 cm. Đường gấp khúc dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

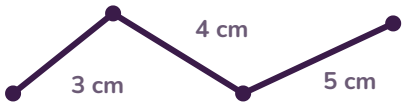

Bài 14. Đồng hồ chỉ 8 giờ. 30 phút nữa là mấy giờ?



Bài 15. Có tất cả bao nhiêu hình tứ giác?



Bài 16. Sợi dây dài 1 m. Mẹ cắt đi 3 dm. Sợi dây còn lại dài bao nhiêu đề-xi-mét? nâng cao

5 Số có ba chữ số và tiền Việt Nam

Nhớ hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị.

Bài 17. Viết số gồm 4 trăm, 0 chục và 7 đơn vị.

Bài 18. Từ 3 tấm thẻ số dưới đây, lập số có ba chữ số lớn nhất và số bé nhất (mỗi thẻ dùng một lần).

5	1	8

Bài 19. Lan có 1 tờ 500 đồng và 2 tờ 200 đồng. Lan có tất cả bao nhiêu tiền?

Bài 20. Tìm số có ba chữ số, chữ số hàng trăm là 3, ba chữ số khác nhau và cộng lại bằng 6. nâng cao

Ghi chú của ba mẹ

Đáp án và cách giải

1. Tìm quy luật

Bài 1: 25. Mỗi số hơn số trước 5: 20 + 5 = 25.

Bài 2: 60, 50. Đếm lùi, mỗi lần bớt 1 chục.

Bài 3: 400, 500. Số tròn trăm, mỗi lần thêm 1 trăm.

Bài 4: 16. Thêm 1, 2, 3, 4 rồi 5: 11 + 5 = 16.

2. Tìm số còn thiếu

Bài 5: 7. 8 thêm 2 được 10, thêm 5 được 15: 2 + 5 = 7.

Bài 6: 15. 9 + 6 = 15.

Bài 7: 6. 47 thêm 3 được 50, thêm 3 được 53.

Bài 8: 8 và 6. 7 và 7 bằng nhau; 8 và 6 hơn kém 2.

3. Nhân, chia

Bài 9: 20 quả. 5 × 4 = 20.

Bài 10: 8. 2 × 8 = 16.

Bài 11: 4 cái. 20 : 5 = 4.

Bài 12: 18 cái chân. Gà: 2 × 5 = 10. Chó: 4 + 4 = 8. 10 + 8 = 18.

4. Hình học, đo lường

Bài 13: 12 cm. 3 + 4 + 5 = 12.

Bài 14: 8 giờ 30 phút. Kim dài chỉ số 6 (8 giờ rưỡi).

Bài 15: 3 hình. 2 hình nhỏ, 1 hình lớn.

Bài 16: 7 dm. 1 m = 10 dm; 10 − 3 = 7.

5. Số có ba chữ số, tiền

Bài 17: 407. Hàng chục là 0.

Bài 18: 851 và 158. Thẻ lớn nhất ở hàng trăm, rồi thẻ bé nhất ở hàng trăm.

Bài 19: 900 đồng. 500 + 200 + 200 = 900.

Bài 20: 312 và 321. Hai chữ số còn lại cộng bằng 3: 1 và 2 (0 và 3 bị lặp số 3).

Khi nào chuyển sang bài nâng cao?

Con làm đúng 3 bài đầu của một dạng mà không cần gợi ý.

Con giải thích được cách làm bằng lời của mình.

Con tính nhẩm cộng, trừ qua 10 trong phạm vi 20 khá nhanh.